Digitally signed by CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN
DN: C=VN, S=THÁI NGUYÊN, L=TP.Thái Nguyên, O=TNN-A hải 48tgh mới ca 36t2793, OU=TPO3, CN=CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:4600100003
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2023.04.14 15:27:24+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.0.1

TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN – TKV
CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN – VIMICO
Số: 914 /BC - TMC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 14 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO
Thường niên năm 2022

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN – VIMICO
- Tên viết tắt: TMC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 460010003 (Đăng ký lần đầu ngày 10/5/2025, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 08/2/2023).
- Vốn điều lệ: 180.000.000.000 đồng *(Một trăm tám mươi tỷ đồng).*
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu: 180.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Tổ dân phố 3, P. Phú Xá, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên
- Số điện thoại: 0208. 3847229
- Website: kimloaimau.com.vn
- Mã cổ phiếu: TMG
- Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico tiền thân là Xí nghiệp Liên hợp Luyện kim màu Bắc Thái trực thuộc Bộ Cơ khí Luyện kim được thành lập theo Quyết định số 349-CL ngày 25/9/1979 của Thủ Tướng Chính Phủ. Ngày 12/11/2004 Bộ trưởng Bộ Công nghiệp đã ký Quyết định số 130/QĐ-BCN về việc chuyển Công ty thành Công ty TNHH NN MTV Kim loại màu Thái Nguyên.

Thực hiện Quyết định số 525/QĐ-VINACOMIN ngày 03/4/2013 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc cổ phần hóa Công ty và Quyết định số 212/QĐ-TKV ngày 21/02/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH MTV Kim loại màu Thái Nguyên thành Công ty Cổ phần. Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01/7/2014.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

2.1. Một số sản phẩm chính của Công ty sản xuất

- Tinh quặng kẽm hàm lượng ~ 50%;
- Tinh quặng chì hàm lượng ~ 50% Pb;
- Kẽm thỏi hàm lượng > 99,95% Zn;
- Axits Sunfuaric hàm lượng > 96%;
- Bột kẽm 60% Zn;
- Thiếc thỏi;
- Tinh quặng đồng.

2.2. Địa bàn kinh doanh

Địa bàn sản xuất kinh doanh của Công ty tập trung tại 02 tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn, trong đó hoạt động khai thác, chế biến tinh quặng tập trung tại huyện Chợ Đồn - tỉnh Bắc Kạn, tỉnh Thái Nguyên có huyện Đồng Hỷ, huyện Võ Nhai, huyện Đại Từ. Hoạt động chế biến kim loại tập trung tại khu công nghiệp Sông Công - thành phố Sông Công - tỉnh Thái Nguyên. Công ty có quan hệ kinh doanh hợp tác với các khách hàng trên phạm vi cả nước.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

- Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

- Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Ban Giám đốc Công ty gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng.

- Các phòng chức năng Công ty gồm 09 phòng (sơ đồ trang tiếp theo)

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY

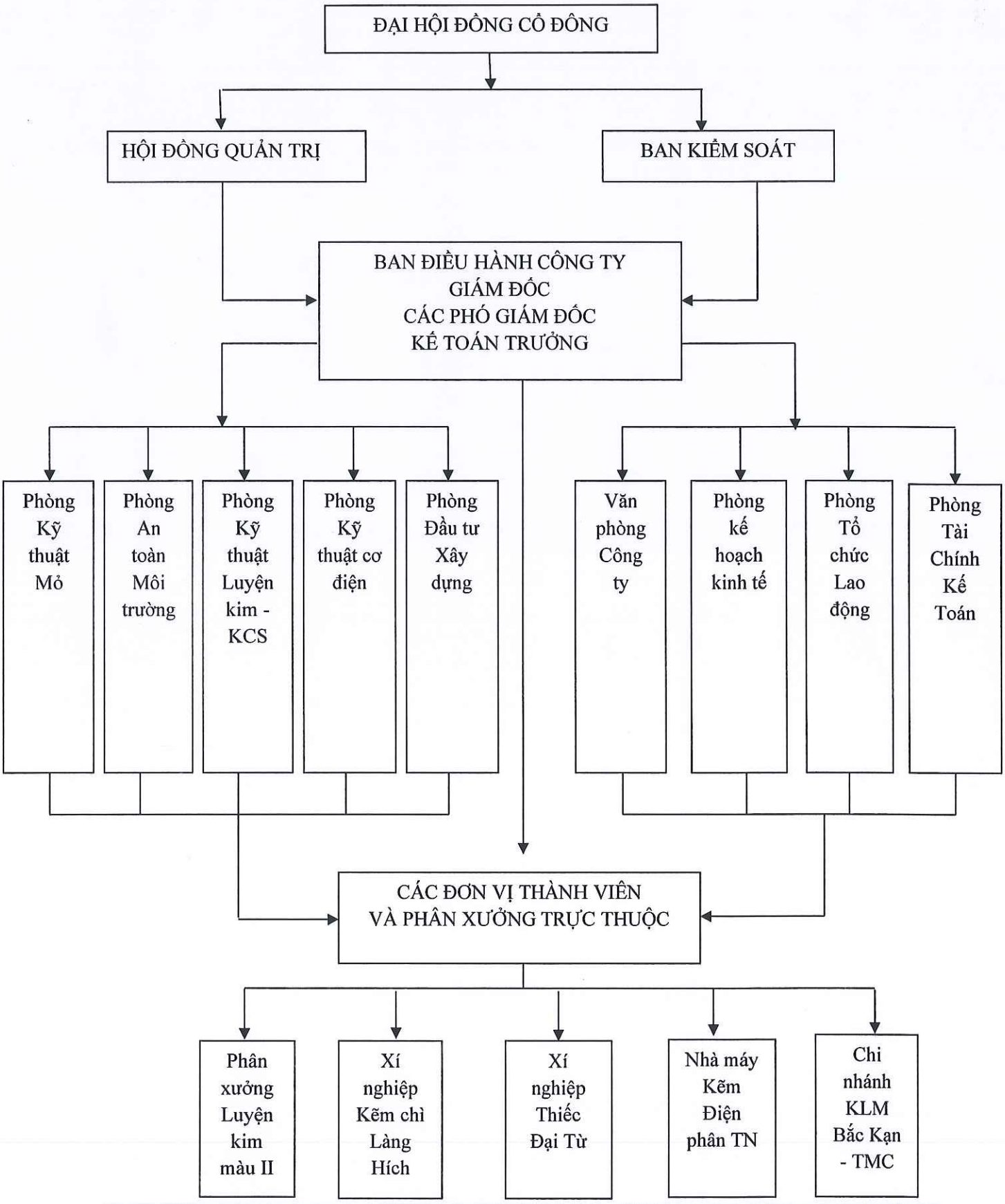

3.2. Tổ chức kinh doanh

Công ty tổ chức sản xuất theo cơ chế khoán quản trị chi phí và theo kế hoạch SXKD Công ty giao hàng tháng/quý đến tất cả các chi nhánh, đơn vị. Tất cả các sản phẩm sản xuất được tiêu thụ tập trung tại Công ty.

3.3. Cơ cấu bộ máy quản lý

- Hội đồng quản trị gồm 01 Chủ tịch HĐQT và 04 thành viên HĐQT, Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm.

- Ban kiểm soát gồm 01 Trưởng ban kiểm soát và 04 kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của BKS là 5 năm.

- Giám đốc Công ty: Là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, điều hành kế hoạch giao khoán, kế hoạch phối hợp và kinh doanh của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm.

- Phó Giám đốc Công ty: Hiện nay có 02 Phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc Công ty theo phân công và ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền.

- Kế toán trưởng Công ty: Có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Công ty; giúp Giám đốc giám sát tài chính và phát huy các nguồn lực tài chính tại công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Tiêu chuẩn đối với Kế toán trưởng theo quy định tại Luật Kế toán, quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- Bộ máy giúp việc gồm: Văn phòng và các phòng chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị, Giám đốc trong quản lý, điều hành Công ty cũng như thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn hoặc bên liên doanh đối với các doanh nghiệp khác. Cơ cấu tổ chức và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của bộ máy giúp việc do Giám đốc quyết định sau khi được Hội đồng quản trị chấp thuận.

Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty:

+ Văn phòng Công ty: Có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý văn phòng; quản trị hành chính; bảo vệ quân sự, công tác văn hóa xã hội, công tác cộng đồng, văn nghệ thể thao.

+ Phòng Tổ chức Lao động: Có chức năng tham mưu giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc về công tác tổ chức bộ máy quản lý; công tác cán bộ, lao động, tiền lương, đào tạo, thi đua khen thưởng, y tế và công tác thanh tra pháp chế.

+ Phòng Tài chính Kế toán: Có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc trong công tác quản lý hệ thống tài chính, kế toán, thống kê toàn Công ty.

+ Phòng Kế hoạch Kinh tế: Có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc về công tác xây dựng, quản lý kế hoạch sản xuất và giá thành sản phẩm toàn Công ty; công tác kinh doanh bán hàng, cung ứng vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh và vận tải hàng hóa.

+ Phòng Đầu tư Xây dựng: Có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng công trình, và quản lý đất đai toàn Công ty.

+ Phòng Kỹ thuật Mỏ: Có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc về công tác quản lý công nghệ khai thác mỏ, trắc địa mỏ, địa chất thăm dò, địa chất mỏ, công tác tuyển khoáng, quy hoạch khoáng sản, phát triển tài nguyên.

+ Phòng Kỹ thuật Luyện kim - KCS: Có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc quản lý về công nghệ, kỹ thuật luyện kim, chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

+ Phòng Kỹ thuật Cơ điện: Có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc thực hiện quản lý về công tác cơ điện của Công ty.

+ Phòng An toàn - Môi trường: Có chức năng tham mưu và thực hiện giúp việc cho HĐQT, Ban Giám đốc về công tác quản lý an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.

3.4. Các chi nhánh, Công ty liên doanh

a) Các Chi nhánh

- Phân xưởng Luyện kim màu 2: Phường Tân Thành, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Nhà máy Kẽm điện phân Thái Nguyên: Khu công nghiệp Sông Công, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Xí nghiệp kẽm chì Làng Hích: Xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

- Xí nghiệp thiếc Đại Từ: Xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

- Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn - TMC (trước đây là Công ty TNHH MTV Kim loại màu Bắc Kạn – TMC, công ty con của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico sở hữu 100% vốn góp đã chuyển thành Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn – TMC từ ngày 01/9/2022)

b) Công ty liên doanh: Công ty liên doanh công nghiệp kẽm Việt Thái: Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico sở hữu 40% vốn góp.

4. Định hướng phát triển của Công ty

4.1. Mục tiêu phát triển

- Phát triển công nghệ khai thác chế biến khoáng sản tiên tiến đồng bộ, phù hợp với điều kiện sản xuất của Công ty. Nâng cao năng lực sản xuất, năng xuất, chất lượng, giá trị gia tăng thực hiện các quy định về môi trường và an toàn trong sản xuất và lao động.

- Tập trung đầu tư phát triển ngành khai thác khoáng sản và chế biến khoáng sản (tuyển khoáng, luyện kim); trọng tâm là sản phẩm Kẽm thỏi, Thiếc, tinh quặng chì.

- Phát triển bền vững công nghiệp khai thác khoáng sản - luyện kim theo hướng hiện đại, thu hồi tối đa tài nguyên, thân thiện với môi trường, hài hòa với địa phương và cộng đồng, có hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

- Phấn đấu trở thành nhà sản xuất, cung ứng giữ vai trò quan trọng trong việc sản xuất và kinh doanh sản phẩm kẽm thỏi kim loại. Phấn đấu kẽm thỏi….

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trên cơ sở định vị phương hướng, mục tiêu phát triển. Công ty xác định các biện pháp cụ thể:

a) Tập trung phát triển tài nguyên và nguồn nguyên liệu là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu. Tập trung khảo sát mở rộng các điểm mỏ do Công ty quản lý, thăm dò khoáng sản chuẩn bị đủ nguồn nguyên liệu cho sản xuất tại các đơn vị trong Công ty. Lập đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng trong ranh giới Giấy phép và đề án thăm dò phần sâu nhằm bổ sung tài nguyên trữ lượng tại các mỏ của Công ty đang quản lý.

b) Tập trung tăng cường áp dụng cơ giới hoá trong sản xuất đặc biệt là trong khu vực khai thác hầm lò, nâng cao chất lượng, hàm lượng quặng nguyên khai, giảm lao động thủ công, tăng năng suất lao động để nâng cao thu nhập cho người lao động.

c) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, rà soát đổi mới cơ cấu lao động, nâng cao chất lượng lao động tại các đơn vị tăng lao động công nghệ, giảm lao động phụ trợ và quản lý.

Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV và người lao động, cải thiện điều kiện về môi trường làm việc, quan hệ cộng đồng, gia đình xã hội. Có chính sách đãi ngộ đặc thù đối với nguồn nhân lực chất lượng cao đặc biệt là đối tượng lao động trong các lĩnh vực khai thác hầm lò, luyện kim chế biến sâu, lao động có nguyện vọng gắn bó lâu dài với đơn vị.

d) Nâng cao chất lượng sản phẩm kẽm thỏi đạt tiêu chuẩn quốc tế.

5. Các rủi ro

Do là đơn vị đặc thù nên Công ty xác định những vấn đề rủi ro chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như sau:

Thứ nhất là rủi ro về kinh tế, những sản phẩm chính của Công ty được tham chiếu theo giá giao dịch thị trường quốc tế sử dụng niêm yết theo giá đô la Mỹ (USD) nên biến động về tỷ giá đem lại những bất lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thứ hai là rủi ro về trữ lượng và chất lượng tài nguyên khoáng sản, do đây là ngành đặc thù, để có cơ sở đánh giá trữ lượng, chất lượng tài nguyên phải khoan thăm dò do vậy tốn nhiều chi phí, thời gian và điều kiện khai thác của mỏ. Việc đánh giá không chính xác về địa chất, trữ lượng khoáng sản có thể khai thác sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới kế hoạch sản xuất kinh doanh của TMC cũng như hiệu quả kinh tế của Công ty.

Thứ ba rủi ro đặc thù khai thác, chế biến, trong quá trình khai thác, ngoài các sản phẩm thu được thì kèm theo đó là các chất thải, phế thải độc hại và do hoạt động trong điều kiện ngoài trời, doanh nghiệp còn phải chịu các rủi ro về thiên tai, lũ lụt, rủi ro xảy ra tai nạn lao động, rủi ro gây ô nhiễm môi trường… dẫn tới việc phải tăng các chi phí hoạt động của Công ty.

Thứ tư là rủi ro pháp lý, những thay đổi về chính sách khai thác, sử dụng khoáng sản, cách tính thuế cũng sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó hoạt động của các doanh nghiệp khoáng sản còn phụ thuộc rất nhiều vào vấn đề bảo vệ tài nguyên - môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên… các khoản thu phí bảo vệ môi trường, phí nước thải công nghiệp, tiền thuê đất khai thác khoáng sản, thuế tài nguyên, phí cấp quyền khai thác mặt khác việc cấp giấy phép khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến và tiêu thụ khoáng sản hiện nay vẫn còn nhiều bất cập.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Các chỉ tiêu chủ yếu

- Doanh thu khoáng sản đạt 1.239,06 tỷ đồng, bằng 99,5 % KH ĐHĐCĐ;
- Nộp ngân sách đạt 224,419 tỷ đồng, bằng 102,1 % KH năm.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 211,144 tỷ đồng, bằng 95,5 % KH ĐHĐCĐ;
- Tổng Quỹ tiền lương đạt 198,363 tỷ đồng bằng 94,6% KH năm.

(Tiền lương BQ thực lĩnh 12,58 tr.đ/ng/th bằng 98,5% KH năm).

- Lao động BQ trong kỳ 1.314 người;

- Giá trị thực hiện ĐTXD: 44,1 tỷ đồng, bằng 71,1 % KH ĐHĐCĐ.

b) Sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

** Sản phẩm sản xuất*

- Kẽm thỏi 99,95% đạt 12.500 tấn/12.300 tấn, bằng 101,6% KH năm;
- Axits sunfuaric 96% đạt 16.468 tấn/18.000 tấn, bằng 91,5% KH năm;
- Tinh quặng chì sunfua đạt 5.446 tấn/4.000 tấn, bằng 136,1% KH năm;
- Tinh quặng chì ôxit 20% đạt 2.682 tấn/4.700 tấn, bằng 51,7% KH năm;
- Tinh quặng thiếc quy 50% Sn 42 tấn/288 tấn bằng 18,3% KH năm;
- Tinh quặng đồng 22%Cu, đạt 319 tấn/700 tấn, bằng 45,6% KH năm.

** Sản phẩm tiêu thụ*

- Kẽm thỏi 99,95% đạt 12.764 tấn, bằng 100,7% KH năm;
- Axits sunfuaric 96% đạt 13.774 tấn, bằng 86,8% KH năm;
- Tinh quặng chì sunfua đạt 4.928 tấn, bằng 123,2% KH năm;
- Tinh quặng chì ôxit 20% đạt 3.144 tấn, bằng 69,3% KH năm;

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành

2.1.1 Ông Trần Văn Long – Giám đốc Công ty

- Sinh năm : 1977
- Trình độ đào tạo: Kỹ sư khai thác mỏ; Cử nhân quản trị KD.
- Quá trình công tác: Từ tháng 8/1999 đến tháng 5/2000 là cán bộ kỹ thuật phòng kỹ thuật, xí nghiệp than Bình Minh, công ty than Quảng Ninh; từ tháng 6/2000 đến tháng 3/2007 là chuyên viên phòng thiết kế mỏ Viện khoa học và công nghệ mỏ - Luyện kim; từ tháng 4/2007 đến tháng 11/2010 là chuyên viên, Phó trưởng phòng kỹ thuật mỏ địa chất, Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin; từ tháng 12/2010 đến tháng 10/2012 là ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty cổ phần Khoáng sản 3; từ tháng 11/2012 đến tháng 7/2014, ủy viên HĐQT, Giám đốc Công ty cổ phần Đá quý và Vàng Hà Nội; từ tháng 8/2014 đến tháng 10/2015 giữ chức vụ Phó Trưởng phòng kỹ thuật Mỏ địa chất, Tổng công ty Khoáng sản - TKV, ủy viên HĐQT CTCP Kim loại màu Nghệ Tĩnh, ủy viên HĐQT CTCP Vàng và đá quý Hà Nội; từ tháng 11/2015 đến tháng 5/2016 giữ chức vụ Phó TP kỹ thuật Mỏ địa chất Tổng công ty Khoáng sản - TKV; Từ tháng 6/2016 đến tháng 6/2017 giữ chức vụ Giám đốc CTCP Kim loại màu Tuyên Quang; từ tháng 7/2017 đến tháng 5/2018 giữ chức vụ Phó TP kỹ thuật Mỏ địa chất Tổng công ty Khoáng sản - TKV; từ tháng 6/2018 đến tháng 4/2019

giữ chức vụ Phó Giám đốc CTCP Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico; từ tháng 5/2019 đến nay giữ chức vụ Giám đốc Công ty Cổ phần kim loại màu Thái Nguyên - Vimico; Từ tháng 6/2020 đến nay giữ chức vụ thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty.

- Sở hữu đại diện Tổng công ty Khoáng sản -TKV: 2.700.000 cổ phần

2.1.2. Ông Bùi Huy Tuấn – Phó Giám đốc Công ty

- Sinh năm : 1975

- Trình độ đào tạo: Kỹ sư luyện kim

- Quá trình công tác: Từ tháng 12/2001 đến tháng 4/2006 là cán bộ kỹ thuật tại Phòng kỹ thuật luyện kim Công ty KLM Thái Nguyên. Tháng 5/2006 đến tháng 7/2008 là Trưởng phòng kỹ thuật tại Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên. Tháng 8/2008 đến tháng 11/2010 là Phó Trưởng phòng Kỹ thuật luyện kim của Công ty TNHH MTV kim loại màu Thái Nguyên. Tháng 12/2010 đến tháng 02/2013 là cán bộ kỹ thuật, Phó Trưởng phòng kỹ thuật luyện kim của Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin. Tháng 3/2013 đến tháng 11/2013 là Phó Giám đốc Công ty luyện đồng Lào Cai. Từ tháng 12/2013 đến tháng 6/2014 là Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Kim loại màu Thái Nguyên. Từ tháng 7/2014 đến nay là Phó Giám đốc CTCP Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico.

- Sở hữu: 0 cổ phần

2.1.3. Ông Nguyễn Văn Hậu – Phó Giám đốc Công ty

- Sinh năm : 1977

- Trình độ đào tạo: Tiến sỹ khai thác mỏ

- Quá trình công tác: Tháng 9/1999 - 11/2001, cán bộ phòng Kỹ thuật công nghệ thuộc Công ty than Mông Dương. Tháng 11/2000 -11/2002, là Nghiên cứu viên phòng Xây dựng công trình ngầm và Mỏ thuộc Viện Khoa học Công nghệ Mỏ. Từ tháng 9/2005 - 8/2008, Học viên cao học Khai thác Mỏ tại Trường ĐH Mỏ Địa chất Hà Nội. Tháng 10/2008 -11/2011, Phó phòng Nghiên cứu Công nghệ khai thác hầm lò thuộc Viện Khoa học Công nghệ Mỏ. Từ tháng 11/2008 -10/2011 là Nghiên cứu sinh khai thác mỏ tại trường Đại học Kỹ thuật Liêu Ninh - Trung Quốc. Tháng 12/2011- 7/2019, Trưởng phòng Đào tạo và Phát triển các dự án thực nghiệm Viện Khoa học Công nghệ Mỏ. Tháng 7/2019 - 8/2019, Trưởng phòng Nghiên cứu xây dựng công trình ngầm và Mỏ thuộc Viện Khoa học Công nghệ mỏ. Tháng 9/2019, Phó Giám đốc Công ty Kim loại màu Thái Nguyên.

- Sở hữu: 0 cổ phần

2.1.4. Ông Lại Trí Cường

- Năm sinh: 1985

- Trình độ nghề nghiệp: Cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác: Nhân viên kế toán Công ty cơ khí đóng tàu TKV; Chuyên viên kế toán tổng hợp của Tổng công ty Khoáng sản- Vinacomin. Từ tháng 10/2015 đến nay là Kế toán trưởng, Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico.

- Sở hữu: 0 cổ phần

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành: Không

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên

- Tổng số lao động: 1.346 người;

+ Lao động nam: 1.060 người;

+ Lao động nữ: 286 người.

- Loại hợp đồng lao động

+ HĐLĐ không xác định thời hạn: 1.013 người;

+ HĐLĐ từ 12 đến 36 tháng: 332 người;

+ HĐLĐ vụ việc: 01 người.

- Trình độ lao động

+ Trên đại học: 10 người;

+ Đại học: 293 người;

+ Cao đẳng: 29 người;

+ Trung học: 275 người;

+ Công nhân kỹ thuật: 739 người;

(Số liệu tính đến thời điểm ngày 31/12/2022)

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Giá trị thực hiện đầu tư : Giá trị thực hiện đầu tư năm 2022 đạt 44,01 tỷ đồng/62,056 tỷ đồng kế hoạch đạt 71,1% KH.

Trong năm 2022, Công ty đã tập trung triển khai thực hiện các dự án đầu tư bao gồm: (i) Đào lò XDCB Dự án đầu tư mở rộng và nâng công suất mỏ chì kẽm Lang Hít, xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên; (ii) Đầu tư hệ thống tháp chuyển hóa HM A10 - Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên; (iii) Đầu tư hệ thống đường điện, TBA khu khai thác Sa Lung (tại Xí nghiệp Kẽm Chì Làng Hích); (iv) Đầu tư hệ thống cung cấp điện và thiết bị

phục vụ khai thác TQ10 (tại Xí nghiệp Thiếc Đại Từ); (v) Đầu tư bãi chứa quặng đuôi bùn thải xưởng tuyển Chợ Điền tại Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn; (vi) Đầu tư thiết bị duy trì sản xuất tại các đơn vị, chi nhánh của Công ty để đảm bảo năng lực phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các dự án đều đã đáp ứng được các mục tiêu, duy trì năng lực máy móc thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty.

- Công ty đang tiếp tục thực hiện Dự án cải tạo môi trường Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên và Dự án đầu tư bổ sung bãi chứa quặng đuôi xưởng tuyển Xí nghiệp Kẽm Chì Làng Hích theo quy định hiện hành.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
1	*2*	*3*	*4*
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.239.066.656.582	1 011 444 191 028
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1.239.066.656.582	1 011 444 191 028
4. Giá vốn hàng bán	11	937.973.404.228	744 355 445 787
5. LN gộp về bán hàng và CCDV	20	301.093.252.354	267 088 745 241
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.055.545.884	1 712 721 101
7. Chi phí tài chính	22	2.435.086.180	452 688 689
- Trong đó chi phí lãi vay	23	2.361.356.844	413 035 937
8. Chi phí bán hàng	25	2.336.356.568	1 583 298 144
9. Chi phí quản lý Doanh nghiệp	26	63.791.231.348	55.826.508.249
10. Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	30	233.586.115.142	210.938.971.260
11. Thu nhập khác	31	606.300.610	2.090.767.607
12. Chi phí khác	32	23.047.951.387	2 073 908 372
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	(22 441.650.777)	16.859.235
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50	211.144.464.365	210.955.830.495
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	42.715.929.622	43.771.888.611
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	153.880.509	-

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2022	Năm 2021
18. Lợi nhuận sau thế TNDN (60=50-51-52)	60	168.274.654.234	167.183.941.884
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu*	70	9.348,6	8.889,7
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Thời điểm 31/12/2021	Thời điểm 31/12/2022	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TS NH/Nợ NH)	0,88	0,971	
+ Hệ số thanh toán nhanh (= tài sản NH-Hàng tồn kho/nợ ngắn hạn)	0,50	0,55	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/tổng tài sản	0,536	0,47	
+ Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu	1,22	0,85	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho (= giá vốn hàng bán/hàng tồn kho bình quân)	5,97	7	
+ Vòng quay tổng tài sản (= doanh thu thuần/tổng tài sản bình quân)	1,71	2,09	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	0,17	0,135	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	0,97	0,93	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	0,29	0,284	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động SXKD/doanh thu thuần	0,220	0,188	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

Tổng số cổ phần của Công ty được chia thành 18.000.000 cổ phần. Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Tất cả các cổ phần đều là cổ phần phổ thông.

b) Cơ cấu cổ đông

- Cổ đông lớn của Công ty bao gồm:

+ Tổng công ty Khoáng sản - TKV : 9.180.000 cổ phần;

+ Công ty cổ phần Lương Gia : 3.148.900 cổ phần.

+ Công ty TNHH SX & TM Quốc tế Vũ Hoàng : 1.933.900 cổ phần;

+ Bà Hoàng Thị Soi : 1.098.200 cổ phần;

+ Ông Nguyễn Hoàng Cường : 1.965.600 cổ phần.

- Tỉnh đến thời điểm ngày 22/3/2023, cổ đông của Công ty có 213 cổ đông trong đó:

+ 03 cổ đông là pháp nhân

+ 210 cổ đông là cá nhân (gồm 208 cổ đông là cá nhân trong nước và 02 cổ đông là cá nhân nước ngoài).

- Cổ đông Nhà nước nắm giữ: 51% vốn điều lệ

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e) Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường, xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không

- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kinh: Không

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Do đặc thù ngành nghề sản xuất kinh doanh của công ty là khai thác, chế biến khoáng sản để tạo ra các nguyên liệu cơ bản (kẽm, chì…) cho các ngành sản xuất khác, quy trình sản xuất là khai thác quặng từ lòng đất để chế biến thành kim loại nên không xác định được lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất ra sản phẩm cũng như tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Tiêu thụ năng lượng

- Điện năng cho sản xuất chính: 68.453.137 Kwh.

Trong đó

+ Điện năng phục vụ khai thác: 2.944.625 Kwh

+ Điện năng phục vụ tuyển khoáng: 9.516.429 Kwh

+ Điện năng phục vụ luyện kim: 55.722.567 Kwh

+ Điện năng phục vụ sinh hoạt: 269.516 Kwh

b) Dầu Diezen

+ Nhà máy Kẽm ĐPTN: 27.847 Lít

+ Xí nghiệp Kẽm chì Làng Hích: 94.876 Lít

+ Chi nhánh KLM Bắc Kạn: 255.073 Lít

+ PX Luyện kim màu II: 20.979 Lít

+ Xí nghiệp Thiếc Đại Từ: 20.809 Lít

6.4. Tiêu thụ nước

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

* Nước sinh hoạt:

- Phân xưởng Luyện kim màu I: 30 m^3/năm
- Phân xưởng Luyện kim màu II: 1.895 m^3/năm
- Nhà máy kẽm điện phân Thái Nguyên: 12.000 m^3/năm
- Xí nghiệp kẽm chì Làng Hích: 5.500 m^3/năm
- Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn: 10.600 m^3/năm

b) Nước dùng cho sản xuất

- Phân xưởng Luyện kim màu I: không sử dụng
- Phân xưởng Luyện kim màu II: 14.000 m^3/năm
- Nhà máy kẽm điện phân: 88.000 m^3/năm
- Xí nghiệp kẽm chì Làng Hích: 109.000 m^3/năm
- Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn: 220.000 m^3/năm

c) Nguồn cung cấp:

- Nước sinh hoạt: Đối với Nhà máy Kẽm điện phân và PX LK màu II sử dụng nguồn nước máy của Công ty cổ phần nước sạch Thái Nguyên. Đối với các đơn vị khai thác mỏ nước sinh hoạt lấy từ nguồn từ giếng khơi, giếng khoan, dẫn nước khe hoặc nguồn về.

- Nước phục vụ sản xuất: Nước tái sử dụng, nước dưới đất, nước mặt;

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

- Phân xưởng Luyện kim màu II: Tự xử lý, tái sử dụng 98%;

- NM kẽm điện phân Thái Nguyên: Thuê xử lý 100%;

- Chi nhánh Kim loại màu Bắc Kạn: Tự xử lý 100%;

- Xí nghiệp kẽm chì Làng Hích: Tự xử lý 100%;

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Ngay từ đầu năm, Công ty đã xác định trọng tâm là công tác an toàn, môi trường và triển khai nhiều biện pháp cụ thể (tuyên truyền, kiểm tra, giám sát…).

Thường xuyên kiểm tra, phúc tra công tác ATLĐ môi trường tại các đơn vị trong công ty để kiểm soát các nguy cơ rủi ro.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Tổng số lao động (tính đến thời điểm 31/12/2022): 1.345 người;
- Lao động sử dụng bình quân năm 2022: 1.314 người;
- Mức lương trung bình: 12,58 triệu đồng/ người/ tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Ngoài việc thực hiện đầy đủ chính sách theo quy định của Nhà nước cho người lao động, Công ty còn có quy chế thăm hỏi động viên đối với CBCNV. Các chế độ bồi dưỡng cho người lao động được thực hiện đầy đủ như: chế độ ăn ca, bồi dưỡng độc hại cho người lao động. Thực hiện nghiêm chế độ bảo hộ lao động, an toàn vệ sinh lao động, duy trì hoạt động mạng lưới ATVSV, tổ chức đào tạo định kỳ và hàng năm về an toàn, vệ sinh lao động cho các đối tượng. Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho CBCNV theo niên hạn.

Giải quyết kịp thời các chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ lễ, tết, nghỉ phép, trợ cấp khó khăn, tổ chức cho người lao động được đi tham quan, nghỉ mát, điều dưỡng phục hồi chức năng. Tặng quà cho người lao động trong những dịp lễ, tết, tặng quà cho con CBCNV đạt thành tích cao trong học tập nhân dịp ngày tết thiếu nhi, trung thu và tặng quà cho CBCNV có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Công ty chấp hành theo quy định của Bộ luật Lao động và các văn bản hướng dẫn thi hành của pháp luật.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Trong năm 2022, Công ty đã cử 885 lượt cán bộ nhân viên tham gia lớp tập huấn nghiệp vụ do Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Khoáng sản TKV và một số đơn vị khác tổ chức liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ, cập nhập những quy định của pháp luật để áp dụng trong việc điều hành giải quyết công việc. Cử cán bộ tham gia đào tạo các lớp Trung cấp, cao cấp lý luận chính trị để đáp ứng được chức danh công việc. Tổng giá trị đào tạo trong năm đạt gần 1.673,4 triệu đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Năm 2022, Công ty thực hiện tốt công tác an sinh xã hội tại địa phương với tổng số tiền 2.254.500.000 đồng. Trong đó:

+ Ủng hộ chương trình Tuần lễ cao điểm Tết vì người nghèo và các quỹ từ thiện tại tỉnh Thái Nguyên: 1.394.000.000 đồng.

+ Ủng hộ chương trình Tuần lễ cao điểm Tết vì người nghèo và các quỹ từ thiện tại tỉnh Bắc Kạn: 860.500.000 đồng.

Giữ gìn trật tự, an toàn xã hội trong cụm liên kết và địa bàn nơi các đơn vị của Công ty đặt trụ sở hoạt động…

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

(chi tiết tại mục 1 phần II của báo cáo này).

1.2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Trong năm Ban Giám đốc đã triển khai toàn diện các nghị quyết của Hội đồng quản trị ban hành về quản lý các lĩnh vực kế hoạch, cơ điện, đầu tư, quản lý vật tư, tài chính…Đánh giá về các mặt chủ yếu trong năm 2022 như sau:

- Công tác chỉ đạo sản xuất: Vẫn tiếp tục phát huy những hiệu quả của các năm trước, việc chỉ đạo sản xuất được duy trì thường xuyên liên tục từ cấp Công ty đến các đơn vị. Các thành viên trong Ban Giám đốc, các phòng, các đơn vị đều có sự phối hợp, phân công nhiệm vụ rõ ràng. Công tác điều hành chỉ đạo sản xuất đã hoàn thành nhiệm vụ ĐHĐCĐ đề ra, mang lại hiệu quả kinh tế trong sản xuất tại Công ty.

- Công tác quản lý kỹ thuật cơ bản

+ *Công tác Khai thác mỏ:* Công tác khai thác ngày càng gặp nhiều khó khăn, các công trường ngày càng xuống sâu, hàm lượng thực tế giảm nhiều so với các năm trước và tài liệu địa chất.

+ *Công tác Tuyển khoáng:* Tích cực thực hiện các giải pháp hợp lý hóa thiết bị công nghệ tuyển nhằm xác định rõ độ mịn nghiền phù hợp, tối ưu cho quặng chì kẽm vào tuyển

+ *Công tác Luyện kim:* Tập trung thực hiện triển khai các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dung dịch điện phân, giảm hàm lượng kẽm trong bã thải nâng cao chất lượng sản phẩm.

+ *Công tác Cơ điện:* Bám sát theo kế hoạch và định ngạch sửa chữa, đảm bảo chất lượng và tiến độ. Các thiết bị sau khi sửa chữa hoạt động ổn định.

- Công tác phát triển tài nguyên

+ Công ty xin cấp phép mỏ: Đang tiếp tục thực hiện quy hoạch khu mỏ Đầm Vạn theo quy định hiện hành.

+ Công tác khoan thăm dò được Công ty chú trọng, phát huy hiệu quả, là cơ sở để đánh giá độ tin cậy của các khối khai thác, ổn định tài nguyên, nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Công tác kinh doanh vật tư: Đối với công tác quản lý vật tư đảm bảo tỷ lệ tồn kho (<6%) nhằm giảm chi phí tài chính, chi phí bảo quản... duy trì công tác mua sắm thông qua chào hàng cạnh tranh, mua sắm trực tiếp của Nhà sản xuất, các đại lý cấp I. Công ty đã xây dựng quy trình mua bán vật tư áp dụng thống nhất trong toàn Công ty.

- Công tác tổ chức lao động: Tiếp tục tập trung sắp xếp đổi mới cơ cấu lao động theo các văn bản hướng dẫn chỉ đạo của Tập đoàn và Tổng công ty Khoáng sản - TKV. Thực hiện tốt chế độ quyền lợi cho người lao động. Hoàn thiện phương án trả lương và có cơ chế khuyến khích hợp lý cho người lao động như: Thực hiện phương án chi trả tiền lương gắn với hiệu quả công việc, ưu tiên tiền lương cho các vị trí quan trọng quyết định năng suất, hiệu quả của đơn vị, Công ty.

- Công tác quản trị: Quản lý chi phí tại các đơn vị chặt chẽ, hàng tháng tổ chức kiểm tra nghiệm thu đánh giá kịp thời; Chất lượng vật tư được đảm bảo, cung ứng vật tư kịp thời và có dự phòng cho sản xuất đặc biệt trong thời điểm dịch Covid 19 diễn biến phức tạp, việc mua vật tư nhập khẩu khó khăn.

2. Tình hình tài chính

Tình hình tài chính của Công ty năm 2022 ổn định, chi phí tài chính được tiết giảm, các khoản vay dài hạn được tất toán trước thời hạn. Công ty được các Ngân hàng xếp loại tín nhiệm tài chính ở mức cao. Công tác lập và công khai BCTC bảo đảm chất lượng và đúng tiến độ, chất lượng hồ sơ thanh quyết toán được nâng cao.

Tình hình tài chính trong năm của Công ty tiếp tục được duy trì ổn định. Tổng tài sản và nguồn vốn được bảo toàn và phát triển. Đối với các khoản công nợ ngắn hạn, Công ty có kế hoạch huy động vốn để thanh toán đúng thời hạn. Trong năm không phát sinh công nợ phải trả quá hạn. Công ty được các tổ chức tài chính đánh giá xếp hạng tín dụng doanh nghiệp ở mức cao.

4. Kế hoạch phát triển năm 2023

Năm 2023 dự báo nền kinh tế thế giới vẫn gặp rất nhiều khó khăn do tiếp tục ảnh hưởng của dịch cúm COVID, với sự đoàn kết quyết tâm, Công ty đặt mục tiêu kế hoạch với các chỉ tiêu chính sau:

- Tổng doanh thu: 959,5 tỷ đồng;
- Nộp ngân sách: Theo quy định NN;
- Lợi nhuận trước thuế: 116,2 tỷ đồng;
- Sữa chữa lớn: 40,5 tỷ đồng;
- Tổng Quỹ tiền lương: 194 tỷ đồng;
- Lao động kế hoạch: 1.326 người.
- Giá trị ĐTXDCB: 55,6 tỷ đồng

**** Sản phẩm sản xuất và tiêu thụ chủ yếu***

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Sản xuất	Tiêu thụ
1	Kẽm thỏi	tấn	9.500	9.500
2	Axit sunfuric	tấn	12.122	10.509
3	TQ chì sunfua 50%	tấn	4.712	4.712
4	Tinh quặng chì oxit 20%	tấn	2.548	2.600
5	Thiếc thỏi	tấn	73	73
6	Tinh quặng đồng	tấn	773	773

IV. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty,

Trong năm Công ty đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu chính ĐHĐCĐ đã đề ra đảm bảo việc làm cho người lao động. Công ty có lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn của Nhà nước tại Công ty. Công ty sản xuất đảm bảo ATLĐ và tuân thủ các quy định của pháp luật.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Các thành viên trong Ban Giám đốc công ty đều có trình độ, năng lực và phẩm chất được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều kinh nghiệm trong quản lý và điều hành.

- Giám đốc Công ty đã có phân công nhiệm vụ rõ ràng cụ thể cho các Phó Giám đốc Công ty và định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và triển khai kế hoạch công việc tuần kế tiếp.

- Ban Giám đốc đã điều hành triển khai hoạt động SXKD phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ và chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ đúng Điều lệ Doanh nghiệp, quy định của Pháp luật.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tập trung cho công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban điều hành và bộ máy giúp việc của Công ty trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh đạt kết quả cao nhất, đảm bảo an toàn, tiết kiệm và hiệu quả.

- Chỉ đạo Ban Giám đốc đẩy mạnh công tác phát triển tài nguyên, lập đề án thăm dò khu mỏ Đầm Vạn, trình Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt cấp phép thăm dò khoáng sản; Lập đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ Chợ Điền

- Đẩy nhanh tiến độ quyết toán các dự án nâng cao chất lượng Nhà máy kẽm, Cúc Đường và làm tốt công tác bảo vệ ranh giới mỏ.

- Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành Công ty ổn định công nghệ tại các đơn vị sản xuất, đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị phục vụ sản xuất để huy động tối đa thiết bị hoạt động.

- Đẩy mạnh công tác cơ giới hóa, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhất là trong khai thác hầm lò; Áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý kỹ thuật, điều hành, quản trị nội bộ, trong hạch toán và lập báo cáo, dự toán sản xuất.

- Tiếp tục xây dựng hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý phù hợp với quy định của Pháp luật và tình hình thực tế của Công ty trên cơ sở cập nhật những văn bản, quy định mới của NN để áp dụng tại Công ty. Năm 2023 sẽ hoàn thiện toàn bộ hệ thống văn bản pháp lý của Công ty để phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được sửa đổi bổ sung lần thứ 4 ngày 20/9/2022.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1 Ông Đào Minh Sơn – Chủ tịch HĐQT

- Năm sinh: 1963

- Trình độ: Kỹ sư máy và thiết bị mỏ

- Quá trình công tác: Ông Đào Minh Sơn làm việc tại Tổng công ty Khoáng sản từ năm 1987; từng giữ các chức vụ Phó Quản đốc/Quản đốc XN Thiếc Bắc Lũng - Tuyên Quang, Đốc công, Phó Giám đốc, Giám đốc XN liên doanh đồng Lào Cai, Phó Ban QLDA Tổ hợp đồng Sin Quyền, Phó Phòng/Trưởng phòng Cơ điện, Trưởng phòng TCCB&ĐT, Tổng công ty Khoáng sản. Từ tháng 8/2015, ông Đào Minh Sơn được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Khoáng sản - Vinacomin. Từ tháng 7/2014 đến nay giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico.

- Sở hữu đại diện Tổng công ty Khoáng sản -TKV: 3.780.000 cổ phần.

1.2 Ông Trần Văn Long – Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty

- Nêu tại 2.1.1 mục Danh sách Ban điều hành (Trang 8- Báo cáo)

1.3. Ông Trần Minh Tuấn - Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1973

- Trình độ: Thạc sỹ QTKD; Cử nhân kế toán-kiểm toán.

- Quá trình công tác: Ông Trần Minh Tuấn đảm nhiệm qua các vị trí: Trợ lý kiểm toán viên, kiểm toán viên tại công ty kiểm toán VACO (từ 3/2001-6/2007); Chuyên viên văn phòng, Phó Trưởng phòng, Trưởng phòng đầu tư DV tài chính và NCPT; Trưởng phòng KHTH; Trưởng phòng QLRR kiêm thành viên HĐTV tại Công ty tài chính Than- Khoáng sản Việt Nam (từ 7/2007-4/2014); Phó Trưởng phòng TCKT, Trưởng phòng QLV, thanh tra - kiểm toán nội bộ tại Tổng công ty Khoáng sản - TKV (từ tháng 5/2014 đến nay); Từ tháng 11/2018 giữ chức vụ thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico.

- Sở hữu đại diện Tổng công ty Khoáng sản -TKV: 2.700.000 cổ phần

2.1.4. Ông Phạm Thế Vinh – Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1964

- Trình độ: Cơ khí

- Quá trình công tác: Ông Phạm Thế Vinh đã đảm nhiệm các chức vụ: Công nhân cơ khí nhà máy cơ khí 19/3 Hà Nội, Công nhân lao động tại Tiệp Khắc, Phó Giám đốc Công ty cổ phần Lương Gia (từ năm 2012 đến nay); Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico (từ tháng 7/2014 đến nay).

- Sở hữu đại diện cho Công ty cổ phần Lương Gia: 3.148.900 cổ phần

2.1.5. Ông Vũ Đức Trung – Thành viên HĐQT

- Năm sinh: 1980

- Trình độ: Thạc sỹ tài chính CPA.

- Quá trình công tác: Ông Vũ Đức Trung đã đảm nhiệm các chức vụ công tác tại công ty kiểm toán Deloite; Phó trưởng phòng tư vấn và bảo lãnh phát hànhCông ty cổ phần chứng khoán Seabank; Thành viên HĐQT Công ty cổ phần tư vấn đầu tư tài chính Quốc tế; Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Sài gòn Hà Nội (từ 2012 đến nay); Thành viên HĐQT CTCP Kim loại màu Thái Nguyên – Vimico (từ 7/2014 đến nay).

- Sở hữu: 0 cổ phần

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

HĐQT không thành lập các tiểu ban. Hoạt động của HĐQT được phân công cụ thể cho các thành viên HĐQT phụ trách theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT để HĐQT ra những Quyết định, Nghị quyết theo từng lĩnh vực được phân công.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đã xây dựng Quy chế hoạt động của HĐQT và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Năm 2022, HĐQT tổ chức 14 kỳ họp bằng hình thức thảo luận trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản; tổ chức 02 kỳ ĐHĐCĐ (01 kỳ thường niên tổ chức tháng 4/2023 và 01 kỳ ĐH bất thường tổ chức vào tháng 8/2023). Tại các phiên họp của HĐQT, các thành viên đều tham gia và trao đổi thẳng thắn cùng nhau bàn bạc để đưa ra các Nghị quyết, quyết định phù hợp với Điều lệ tổ chức và hoạt động SXKD của Công ty, đúng với quy định của Pháp luật.

Chỉ đạo và triển khai có hiệu quả các nghị quyết của HĐQT về: Công tác cán bộ, kế hoạch sản xuất, quản trị chi phí, kinh doanh, đầu tư xây dựng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

Ngoài các phiên họp các thành viên hội đồng quản trị còn thường xuyên có các cuộc trao đổi điện thoại, mail, fax với Giám đốc công ty để triển khai các nghị quyết, quyết định đã ban hành.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp: Không

e) Trong năm các thành viên HĐQT đều tham gia các chương trình đào tạo về quản trị công ty theo quy định.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

TT	Thành viên BKS	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ	Ngày bắt đầu/ là TV BKS
1	Nguyễn Đình Chiến	1985	Trưởng Ban	Cử nhân kinh tế	01/7/2014
2	Nguyễn Thanh Long	1971	Thành viên	Cử nhân TCNH	01/7/2014
3	Lê Văn Lưỡng	1972	Thành viên	Kỹ sư QTKD	27/4/2021
4	Ngô Thị Nhâm	1978	Thành viên	Cử nhân kinh tế	11/5/2016
5	Đào Thị Khuê	1966	Thành viên	Cử nhân kinh tế	11/5/2016

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm đã tổ chức 06 cuộc họp triển khai nhiệm vụ quyền hạn:

- Giám sát kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các hoạt động kinh doanh theo nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2022 đã đề ra.

- Kiểm tra giám sát việc ban hành các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban điều hành, các cán bộ quản lý.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

- Tham gia các cuộc họp của HĐQT và phát biểu các ý kiến đóng góp cho các cuộc họp tham dự.

Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2022 đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật. Các cuộc họp của Ban kiểm soát đều có thành viên BKS tham gia đầy đủ. Trong quá trình tham gia kiểm tra, giám sát BKS đã đóng góp ý kiến cho Bộ máy điều hành của Công ty nhằm giúp hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng,thù lao các khoản lợi ích

Các thành viên HĐQT và BKS của công ty hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm do vậy Công ty áp dụng chế độ thù lao công việc. Lương của Ban điều hành Công ty áp dụng theo đúng quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương và các chế độ khác theo chính sách chung của Công ty.

- Chế độ thù lao của HĐQT, BKS được ĐHĐCĐ thực hiện theo Nghị quyết số 25/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2022, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao như sau:

TT	Chức danh	Mức lương CB để XĐ (Trđ/th)	Số lượng	Mức thù lao	Tiền thù lao đ/ng/ th	Số tháng	Tiền thù lao thực hiện năm 2022
1	Chủ tịch HĐQT	39,00	1	20%	7.800.000	12	93.600.000
2	Thành viên HĐQT	34,50	4	20%	6.900.000	12	331.200.000
3	Trưởng BKS	34,50	1	20%	6.900.000	12	82.800.000
4	Ủy viên BKS	31,50	4	20%	6.300.000	12	302.400.000
	Cộng		**10**				**810.000.000**

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Trong năm Công ty có phát sinh giao dịch với cổ đông Tổng Công ty Khoáng sản – TKV (cổ đông nắm giữ 51% vốn điều lệ Công ty về việc mua bán Hợp đồng tinh quặng đồng, nội dung này đã được Công ty công bố thông tin vào ngày 26/5/2023 trên hệ thống trang webside của Công ty.

d) Công ty vẫn chưa ban hành được Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, do Đại hội đồng cổ đông chưa thông qua.

VI. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam soát xét số 130/2023/BCKTHN-CPD VIETNAM-NV1 ngày 29/3/2023 và được đăng tải đầy đủ chi tiết tại địa chỉ website:www. kimloaimau.com.vn.

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Kim loại màu Thái Nguyên - Vimico.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- UBCKNN, HNX, VSD (để: B/c);
- HĐQT, Ban kiểm soát (để: B/c);
- Website công ty;
- Lưu: VP, Thư ký Công ty.

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 4600100003-C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN KIM LOẠI MÀU THÁI NGUYÊN VIMICO ★ TP. THÁI NGUYÊN

Trần Văn Long